

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁI THỤY
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2021/HNGĐ- ST
Ngày 18- 06- 2021
V/v Tranh chấp Hôn nhân gia đình
giữa chị Q1, anh Q2.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tòng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Tiến;

2. Bà Vũ Thị Thúy.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Diệu Thúy- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Tình.

Ngày 18- 06- 2021, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số 12/2021/TLST- HNGĐ ngày 27- 01- 2021 về việc Tranh chấp Hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2021/ QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 05 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Q1, sinh năm 1998. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, nơi cư trú: Tổ Dân phố N1, thị trấn D1, huyện T1, tỉnh Thái Bình. Vắng mặt- Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Lê Văn Q2, sinh năm 1998, Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, nơi cư trú: Thôn Đ1, xã H1, huyện T1, tỉnh Thái Bình. Vắng mặt- Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn là chị Q1 trình bày: Chị và anh Q2 là bạn học phổ thông; đã được hai gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục vào ngày 26- 12- 2016 Âm lịch. Vợ chồng chung sống tại gia đình chồng từ khi cưới đến khi chị sinh con. Sau khi sinh con được khoảng nửa tháng thì chị đưa con mới sinh về nhà bố mẹ đẻ chị ở thị trấn D1 sinh sống. Từ đó, chị ở nhà bố mẹ chị; chỉ về nhà chồng khi vào dịp giỗ, Tết, ngày lễ. Ngày 28- 06- 2019, anh chị tự nguyện đăng ký kết hôn, đã được Ủy ban nhân dân xã

T2 (nay là Ủy ban nhân dân xã H1) cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Tháng 09 năm 2019, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp. Từ đó, vợ chồng không sống chung với nhau, không còn thương yêu nhau, cũng không quan tâm chăm sóc nhau nữa. Chị xác định: Vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên có nguyện vọng xin ly hôn. Hiện nay, chị không mang thai, không nuôi con dưới 12 tháng tuổi. Vợ chồng có một con chung là Lê Diệu Q3, sinh ngày 26 tháng 02 năm 2017. Từ khi vợ chồng mâu thuẫn đến nay, con chung sống cùng anh Q2. Chị đồng ý để anh Q2 trực tiếp nuôi dưỡng con chung; chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000đồng/1tháng. Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không có ai nợ chung vợ chồng nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại bản tự khai, đơn xin vắng mặt ngày 07- 06- 2021, bị đơn là anh Q2 trình bày giống nguyên đơn về việc anh chị là bạn học phổ thông; được hai gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống tại gia đình anh; sau khi chị sinh con thì chị và con về nhà bố mẹ đẻ chị ở thị trấn D1 sinh sống; còn anh đi làm ăn nơi khác. Từ đó, chị ở nhà bố mẹ đẻ, chỉ về nhà chồng vào dịp giỗ Tết, ngày lễ. Ngày 28- 06- 2019, anh chị tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T2. Đến tháng 07 năm 2019, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp. Từ khi mâu thuẫn, vợ chồng không sống chung với nhau, không còn thương yêu nhau, cũng không quan tâm chăm sóc nhau nữa. Anh xác định tình cảm không còn nên anh đồng ý ly hôn. Vợ chồng có một con chung là Lê Diệu Q3, sinh ngày 26 tháng 02 năm 2017; hiện đang sống cùng anh. Anh có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung, anh không yêu cầu chị cấp dưỡng nuôi con. Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không có ai nợ chung vợ chồng nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh có đơn xin xét xử vắng mặt.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập anh Q2 nhưng anh không đến Tòa án làm việc. Do anh Q2 vắng mặt nên vụ án không tiến hành hòa giải được, phải đưa ra xét xử. Sau khi Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, anh Q2 mới đến Tòa án trình bày ý kiến của anh về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của tổ tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đúng quy định của pháp luật. Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình: Xử cho chị Q1 ly hôn anh Q2. Vợ chồng chị Q1- anh Q2 có một con chung là Lê Diệu Q3, sinh ngày 26- 02- 2017. Giao con chung cho anh Q2 trực tiếp nuôi dưỡng; chấp nhận chị Q1 tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đồng/1tháng. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Do bị đơn vắng mặt, nguyên đơn có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên vụ án không tiến hành hòa giải theo quy định tại Khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự được. Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt; căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 227, Khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Việc kết hôn giữa chị Q1 và anh Q2 là tự nguyện và hợp pháp. Từ khi mâu thuẫn vợ chồng không sống chung với nhau, không còn thương yêu, không quan tâm chăm sóc nhau nữa. Như vậy, có căn cứ xác định vợ chồng chị Q1- anh Q2 đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần áp dụng Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình xử cho chị Q1 ly hôn anh Q2.

[3]. Về con chung: Vợ chồng chị Q1- anh Q2 có một con chung là Lê Diệu Q3, sinh ngày 26 tháng 02 năm 2017. Anh Q2 có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung, chị Q1 đồng ý để anh nuôi con chung. Tuy anh Q2 không yêu cầu cấp dưỡng nhưng chị Q1 tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000đồng/1tháng. Vì vậy, cần áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình xử giao con chung cho anh Q2 trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận chị Q1 tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000đồng/1tháng; thời gian cấp dưỡng từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung thành niên.

[4]. Về tài sản chung: Nguyên đơn, bị đơn đều xác định: Vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn là chị Q1 phải chịu 300.000,đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 227; Khoản 3 Điều 228; Điều 238; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị Q1 ly hôn anh Lê Văn Q2.

2. Về con chung: -Xử giao con chung Lê Diệu Q1, sinh ngày 26 tháng 02 năm 2017 cho anh Q2 trực tiếp nuôi dưỡng.

-Chấp nhận chị Q1 tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000đồng/1tháng; thời gian cấp dưỡng từ ngày bản án có hiệu lực đến khi con chung thành niên.

-Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Nguyên đơn, bị đơn đều không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Q1 phải nộp toàn bộ 300.000,đồng án phí ly hôn và 300.000đồng án phí cấp dưỡng định kỳ; cộng là 600.000đồng; được trừ vào số tiền 300.000,đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0001949 ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình. Chị Q1 còn phải nộp 300.000đồng án phí.

5.Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

- Dương sự;
- Ủy ban nhân dân xã H2, huyện T1, tỉnh Thái Bình;
- VKDND huyện Thái Thụy;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Tòng